

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
7.3	Trục đường đi tỉnh Bắc Ninh	hết thôn Chân Hồ cũ	giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh	900	700	500	400	540	420	300	260	360	280	240	200
8	Đường Trần Nhân Tông	điểm tiếp giáp phường Đông Triều (từ nhà ông Mậu)	cổng Đèn Sinh	4.000	2.000	1.200	600	2.400	1.200	720	360	1.600	800	480	240
9	Trục đầu nối từ QL18A đến trục đường Bắc Mã (18B cũ)														
9.1	Trục đầu nối từ QL18A đến trục đường Bắc Mã (18B cũ)	QL18A chạy qua trường Tiểu học và THCS Việt Dân	đường tàu cắt ngang	2.500	1.700	1.200	600	1.500	1.020	720	360	1.000	680	480	240
9.2	Trục đầu nối từ QL18A đến trục đường Bắc Mã (18B cũ)	đường tàu cắt ngang	ngã 3 giao với trục đường Bắc Mã (18B cũ)	2.000	1.500	900	500	1.200	900	540	300	800	600	360	210
9.3	Trục đầu nối từ QL18A đến trục đường Bắc Mã (18B cũ)	ngã 3 trụ sở CA phường đi qua khu Cửa Phúc, Tân Thành	ngã 3 giao với trục đường Bắc Mã (18B cũ)	2.000	1.300	800	500	1.200	780	480	300	800	520	320	210
10	Trục đường chính khu Tân Thành 2, Tân Lập	- Từ đường Trần Nhân Tông qua khu Tân Thành 2, Tân Lập - và Từ ngã 3 đường vào trường TH & THCS xã Tân Việt cũ	- đến Trạm y tế xã Tân Việt cũ - và đến đường vào Trường Mầm non Tân Việt cũ	2.000	1.200	800	500	1.200	720	480	300	800	480	320	210
11	Trục đường chính khu Phúc Đa	đường Trần Nhân Tông giáp đất phường Đông Triều qua Cổng Khờm, khu Phúc Đa	Trạm y tế xã Tân Việt cũ	2.000	1.200	800	500	1.200	720	480	300	800	480	320	210
12	Trục đường chính khu Hồ Lao														
12.1	Trục đường chính khu Hồ Lao	ngã 3 chợ Tân Lập	ngã 3 đường Vào Đình - Chùa Hồ Lao	1.800	1.100	700	500	1.080	660	420	300	720	440	280	210
12.2	Trục đường chính khu Hồ Lao	- Từ ngã 3 đường vào Đình - Chùa Hồ Lao qua nhà Văn Hóa khu Hồ Lao - và Từ ngã 3 đường sang khu Khê Thượng - và Từ ngã 3 đường vào Đình - Chùa Hồ Lao	- đến đường Khu Khê Thượng - và đến điểm Trường mầm non Hồ Lao cũ - và đến biển Na VietGap	1.600	1.000	600	500	960	600	360	300	640	400	240	210
13	Dự án khu dân cư Tân Thành														
13.1	Các ô liên kế tiếp giáp đường gom QL18A, hướng QL18A	Trộn khu		14.300				8.580				5.720			
13.2	Các ô liên kế tiếp giáp 1 mặt đường QH 10,5m	Trộn khu		11.400				6.840				4.560			
13.3	Các ô liên kế tiếp giáp 1 mặt đường QH 7,5m	Trộn khu		8.400				5.040				3.360			
13.4	Các ô liên kế tiếp giáp 1 mặt đường QH 5,5m	Trộn khu		8.200				4.920				3.280			
13.5	Các ô đất biệt thự tiếp giáp 1 mặt đường QH 7,5m	Trộn khu		7.400				4.440				2.960			
14	Đất dân cư, điểm phía Tây chợ mới xã An Sinh cũ tại thôn Địa Mới														
14.1	Các ô đất tiếp giáp đường QH 7,7m	Trộn khu		7.200				4.320				2.880			
14.2	Các ô đất tiếp giáp đường QH 5,5m	Trộn khu		6.800				4.080				2.720			
15	QH điểm Trung tâm cụm xã (xã Việt Dân cũ)	Trộn khu		2.700				1.620				1.200			
16	QH ĐC dự án nút giao đến Sinh	Trộn khu		7.800				5.200				3.900			
23	PHƯỜNG ĐÔNG TRIỀU														
1	QL18A														
1.1	QL18A	giáp phường An Sinh	ngã 3 giao với đường Nguyễn Bình	8.500	4.000	1.500	700	5.100	2.400	900	420	3.400	1.600	600	280
1.2	QL18A Đường Nguyễn Bình	ngã 3 giao cắt với đường Nguyễn Hải Thanh (ngã 3 tương đương anh hùng Đông Triều)	ngã 4 đèn đỏ giao cắt với đường Thanh Niên và đường Nguyễn Hải Thanh	13.500	5.500	2.500	700	8.100	3.300	1.500	420	5.400	2.200	1.000	280

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1.3	QLT8A Đường Nguyễn Hải Thanh	ngã 3 giao cắt với đường Nguyễn Bình (ngã 3 tượng đài anh hùng Đồng Triều) qua ngã 4 đến đó giao cắt với đường Thanh Niên và đường Nguyễn Bình	Cầu Cầm	8.500	4.300	1.800	600	5.100	2.580	1.080	400	3.400	1.720	720	300
2	Đường nối từ QL18A đến cầu Đông Mai														
2.1	Đường nối từ QL18A đến cầu Đông Mai	QL18A	cầu Bình Sơn	5.000	2.000	1.200	500	3.000	1.200	720	300	2.000	800	480	210
2.2	Đường nối từ QL18A đến cầu Đông Mai	cầu Bình Sơn	cầu Đông Mai	3.500	1.800	1.200	500	2.100	1.080	720	300	1.400	720	480	210
3	Đường Lê Hồng Phong														
3.1	Đường Lê Hồng Phong	ngã 4 giao với đường Nguyễn Bình và đường Trần Nhân Tông	nhà văn hóa khu Đoàn Xá 2	6.000	3.000	1.500	700	3.600	1.800	900	420	2.400	1.200	600	300
3.2	Đường Lê Hồng Phong	nhà văn hóa khu Đoàn Xá 2	bến Phà Triều	4.500	2.000	1.500	700	2.700	1.200	900	420	1.800	800	600	300
4	Đường Trần Nhân Tông														
4.1	Đường Trần Nhân Tông	ngã tư đường Nguyễn Bình	giáp ngã 6 phường Đức Chính cũ	9.000	6.000	2.500	700	5.400	3.600	1.500	420	3.900	2.400	1.000	300
4.2	Đường Trần Nhân Tông	ngã 6 phường Đức Chính cũ	giáp phường An Sinh	6.000	3.000	1.500	700	3.600	1.800	900	420	2.700	1.200	600	300
5	Trục đường 186 (DT326)	vòng xuyên ngã 6 QL18A	giáp phường Bình Khê	5.500	3.300	1.500	600	3.300	1.980	900	400	2.200	1.320	600	300
6	Đường Thanh Niên (trừ các ô đất thuộc QH KDC phía Bắc trụ sở UBND phường Hưng Đạo cũ)	ngã 4 giao với QL18A và đường Nguyễn Bình	ngã 3 tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	6.000	3.000	1.500	600	3.600	1.800	900	360	2.400	1.200	600	270
7	Từ QL18A qua đình Mỹ Cù 1 đến hết đất dân cư QH khu Thủ Dương (trừ các ô QH) và ngã tư Mỹ Cù 2 đến nhà ông Cường (thửa 97, tờ BĐ 28)														
7.1	Từ QL18A qua đình Mỹ Cù 1 đến hết đất dân cư QH khu Thủ Dương (trừ các ô QH) và ngã tư Mỹ Cù 2 đến nhà ông Cường (thửa 97, tờ BĐ 28)	giáp đường QL18A qua ngã tư Mỹ Cù 2	nhà ông Cường (thửa 97, tờ BĐ 28)	6.000	3.000	1.500	600	3.600	1.800	900	360	2.400	1.200	600	270
7.2	Từ QL18A qua đình Mỹ Cù 1 đến hết đất dân cư QH khu Thủ Dương (trừ các ô QH) và ngã tư Mỹ Cù 2 đến nhà ông Cường (thửa 97, tờ BĐ 28)	ngã 4 khu Mỹ Cù 2 qua trường TH Hưng Đạo	hết đất QH khu Thủ Dương	6.000	3.000	1.500	600	3.600	1.800	900	360	2.400	1.200	600	270
8	Từ QL18A đi qua chợ Mễ Xá đến giáp ngã tư đường Thanh Niên	QL18A đi qua chợ Mễ Xá	giáp ngã tư đường Thanh Niên	6.500	3.000	1.500	700	3.900	1.800	900	420	2.600	1.200	600	280
9	Phố Sư Tuệ	Phố Sư Tuệ		16.500	8.000	2.500	800	9.900	4.800	1.500	480	6.600	3.200	1.000	320
10	Phố Chợ Cột	ngã 3 giao với đường Nguyễn Bình	ngã 3 giao với đường Trần Nhân Tông	10.000	7.000	2.500	800	6.000	4.200	1.500	480	4.000	2.800	1.000	320
11	Phố Nguyễn Văn Liễn	Phố Nguyễn Văn Liễn		3.000	1.800	1.200	700	1.800	1.080	720	420	1.200	720	480	300
12	Phố Trạo Hà														
12.1	Phố Trạo Hà	ngã 3 giao với đường Nguyễn Bình	nhà văn hóa khu Trạo Hà	6.000	2.300	1.300	700	3.600	1.380	780	420	2.400	920	520	300
12.2	Phố Trạo Hà	nhà văn hóa khu Trạo Hà	ngã 3 giao với QL18A	5.000	2.000	1.200	700	3.000	1.200	720	420	2.000	800	480	300
13	Phố Yên Lâm	Phố Yên Lâm		4.000	2.300	1.300	700	2.400	1.380	780	420	1.600	920	520	300
14	Từ QL18A đến cổng Trung tâm Y tế Đồng Triều	QL18A	cổng Trung tâm Y tế Đồng Triều	7.500	3.000	1.500	800	4.500	1.800	900	480	3.000	1.200	600	320
15	Từ QL18A đến Cầu Triều	QL18A	Cầu Triều	5.000	3.000	1.500	700	3.000	1.800	900	420	2.000	1.200	600	300
16	Đường Đông Tân	giáp QL18A	hết thửa 288 tờ BĐ 08	3.000	2.000	1.500	700	1.800	1.200	900	420	1.200	800	600	300
17	Từ đường Quốc lộ 18 đến cổng quay đường rẽ khu Vĩ Thủy và thôn An Biên														
17.1	Từ đường Quốc lộ 18 đến cổng quay đường rẽ khu Vĩ Thủy và thôn An Biên	Quốc lộ 18	cổng quay đường rẽ khu Vĩ Thủy và khu An Biên	4.000	2.500	1.500	500	2.400	1.500	900	300	1.600	1.000	600	210
17.2	Từ đường Quốc lộ 18 đến cổng quay đường rẽ khu Vĩ Thủy và thôn An Biên	cổng quay	chùa Tráng	3.000	1.800	1.300	500	1.800	1.080	780	300	1.200	720	520	210
17.3	Từ đường Quốc lộ 18 đến cổng quay đường rẽ khu Vĩ Thủy và thôn An Biên	cổng quay	hết khu An Biên	1.900	1.700	1.200	500	1.140	1.020	720	300	760	680	480	210

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
18	Từ ngã 3 đường đi Văn Động đến phố Văn Giang														
18.1	Từ ngã 3 đường đi Văn Động đến phố Văn Giang	ngã 3 đường đi Văn Động	nhà văn hóa khu phố Nguyễn Huệ 3	1.700	1.500	1.100	500	1.020	900	660	300	680	600	440	210
18.2	Từ ngã 3 đường đi Văn Động đến phố Văn Giang	nhà văn hóa khu Nguyễn Huệ 3	khu phố Văn Giang	1.300	1.000	800	500	780	600	480	300	520	400	320	210
19	Đất dân cư, tái định cư khu Trạo Hà	Trộn khu		10.930				6.560				4.370			
20	KDC Yên Lâm 3 - Ao Bắc (trừ các ô băm QL18A)														
20.1	Các ô đất băm đường nối từ QL18A đến đường Nguyễn Văn Liên	Trộn khu		7.000				4.200				2.800			
20.2	Các ô đất còn lại	Trộn khu		6.000				3.600				2.400			
21	Khu QH dân cư Bình Lục Thượng														
21.1	Các thửa băm đường thuộc lô 2 tiếp giáp phía sau các thửa đất băm QL18A	Trộn khu		5.500				3.300				2.200			
21.2	Các đường còn lại	Trộn khu		5.000				3.000				2.000			
22	KDC, khu TĐC Điểm tại bãi Cửa Làng, khu Triều Khê														
22.1	Các ô tiếp giáp đường QH 5,5m, hướng đường ven sông	Trộn khu		7.620				4.570				3.050			
22.2	Các ô tiếp giáp đường QH 5,6m, hướng nội bộ khu dân cư	Trộn khu		6.920				4.150				2.770			
23	KDC, khu TĐC Điểm tại xứ Đồng Dộc, khu Triều Khê Các ô tiếp giáp đường QH 5,5m	Trộn khu		6.830				4.100				2.730			
24	KDC phường Hồng Phong (KĐT An Bình Phát)														
24.1	Các ô biệt thự băm đường gom 19,0m nhìn ra QL18A: Lô O + DV (các ô số 01 → 05)	Trộn khu		10.000				6.000				4.000			
24.2	Các ô biệt thự băm đường 7,0m quay vào các ô liền kề: Lô O + DV (ô số 06 → 10)	Trộn khu		9.000				5.400				3.600			
24.3	Các ô biệt thự Lô BT1 (ô số 01 → 10)	Trộn khu		7.500				4.500				3.000			
24.4	Các ô biệt thự Lô BT2 (ô số: 01, 12) và Lô BT3 (ô số: 01, 16) băm đường đôi rộng 17,0m	Trộn khu		6.800				4.080				2.720			
24.5	Các ô biệt thự Lô BT2 (ô số 02 → 11) và Lô BT3 (ô số 02 → 15) băm đường phân lô rộng 7,0m	Trộn khu		6.500				3.900				2.600			
24.6	Các ô liền kề băm đường đôi rộng 17,0m: Thuộc các Lô L1 → L13	Trộn khu		6.000				3.600				2.400			
24.7	Các ô đất liền kề băm đường phân lô rộng 7,0m: Thuộc các Lô L1 → L13	Trộn khu		5.000				3.000				2.000			
25	QH KDC băm 2 bên phố Đoàn Xá (đoạn đường nối đường Lê Hồng Phong và đường Nguyễn Bình)	Trộn khu		9.000				5.400				3.600			
26	KDC tại khu Đoàn Xá 2	Trộn khu		6.500				3.900				2.600			
27	QH KDC phía Bắc trụ sở UBND phường Hưng Đạo cũ														
27.1	Các ô băm đường Thanh Niên	Trộn khu		15.000				9.000				6.000			
27.2	Các ô băm đường nội bộ rộng 5,5m	Trộn khu		10.000				6.000				4.000			
28	QH KDC phía Đông núi Thủ Dương														
28.1	Các ô băm phố Mễ Dương	Trộn khu		9.000				5.400				3.600			
28.2	Các ô băm đường nội bộ rộng 5,5m	Trộn khu		7.500				4.500				3.000			
29	KDC tự xây chợ Đạm Thủy, khu Đạm Thủy	Trộn khu		5.500				3.300				2.200			
30	KDC tự xây Trại Dừa, khu Đạm Thủy	Trộn khu		5.000				3.000				2.000			
31	QH KDC phía tây trường THPT Lê Chân	Trộn khu		6.000				3.600				2.400			